

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021	10 - 11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021	12 - 36

03/11/2021
C
C
JAN
ONG
/7/21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10 trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2021 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 (sau đây viết tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Mã số doanh nghiệp 0313159937, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2015.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã bổ sung ngành nghề kinh doanh và đã nhận được các Giấy xác nhận của Phòng đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 6 năm 2016, ngày 29 tháng 9 năm 2017.

Vốn điều lệ : 15.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại, Dịch vụ

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 187, Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 3872 0567

Fax : 028 3872 0568

Mã số thuế : 0313159937

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Phan Huỳnh Tùng | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Vũ Trung Tá | Thành viên |
| 3. Ông Đỗ Ngọc Tú | Thành viên |
| 4. Ông Nguyễn Trường Sơn | Thành viên |
| 5. Ông Đặng Văn Dũng | Thành viên |

15
H
PH
Ý B
ỦY
1
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban kiểm soát

1. Ông Đỗ Anh Việt Trưởng ban
2. Ông Tống Quang Vinh Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Vũ Trung Tá Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của công ty
2. Ông Đỗ Ngọc Tú Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Trường Sơn Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TPHCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2021 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán 2021 kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 36.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ 2021

Ban Tổng Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2021 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố thông tin trong Báo cáo tài chính năm 2021.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Vũ Trung Tá - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 3 năm 2022

Số: 1511.01/2022/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10, được lập ngày 01 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm

thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 1762-2018-124-1

Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 4287-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.563.901.371	20.929.932.186
310	I. Nợ ngắn hạn		22.553.901.371	20.149.932.186
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	13.670.513.838	10.456.003.807
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	574.300.000	381.504.122
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	3.760.435.928	4.471.887.168
314	4. Phải trả người lao động	V.17	3.142.651.130	1.146.156.524
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	1.215.550.000	1.282.815.000
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	147.122.690	2.214.594.780
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	43.327.785	196.970.785
330	II. Nợ dài hạn		10.000.000	780.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.21	10.000.000	30.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22	-	750.000.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.107.179.950	25.910.801.397
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	26.107.179.950	25.910.801.397
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.23.1	15.000.000.000	15.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	V.23.2	1.390.000	1.390.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	V.23.3	5.637.912.545	4.323.082.946
421	4. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.23.4	5.467.877.405	6.586.328.451
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		17.072.852	17.072.852
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.450.804.553	6.569.255.599
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		48.671.081.321	46.840.733.583

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh



Nguyễn Thị Mỹ Lan



Vũ Trung Tá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.24	70.550.745.221	76.449.503.851
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.550.745.221	76.449.503.851
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.25	55.828.103.751	55.554.582.592
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.722.641.470	20.894.921.259
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.26	89.876.192	12.069.706
22	7. Chi phí tài chính	VI.27	71.262.495	245.947.836
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		71.262.495	245.947.836
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.28	7.537.207.276	12.780.055.281
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.204.047.891	7.880.987.848
31	11. Thu nhập khác	VI.29	75.300.000	82.272.727
32	12. Chi phí khác	VI.30	424.290.989	290.010.711
40	13. Lợi nhuận khác		(348.990.989)	(207.737.984)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.855.056.902	7.673.249.864
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.31	1.404.252.349	1.103.994.265
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		5.450.804.553	6.569.255.599
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.32	3.270	3.942

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đào Thị Thanh

Kam



Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.484.311.276	36.558.560.395
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		1.262.028.974	831.007.935
111	1. Tiền	V.1	1.262.028.974	831.007.935
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.924.069.323	34.883.870.143
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	38.275.665.605	35.572.056.785
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	848.227.102	2.355.370.742
137	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(3.199.823.384)	(3.043.557.384)
140	IV. Hàng tồn kho		166.547.076	166.547.076
141	1. Hàng tồn kho	V.5	166.547.076	166.547.076
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		131.665.903	677.135.241
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6	131.665.903	649.517.510
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.7	-	27.617.731
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		11.186.770.045	10.282.173.188
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		419.203.150	225.822.900
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.8	419.203.150	225.822.900
220	II. Tài sản cố định		9.058.738.885	6.704.045.866
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	8.085.578.774	5.700.690.887
222	- Nguyên giá		22.648.277.188	19.273.873.648
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.562.698.414)	(13.573.182.761)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	973.160.111	1.003.354.979
228	- Nguyên giá		1.177.600.000	1.177.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(204.439.889)	(174.245.021)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.363.919.962	2.865.830.308
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	1.268.103.145	2.770.013.491
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	95.816.817	95.816.817
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		344.908.048	486.474.114
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	344.908.048	486.474.114
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		48.671.081.321	46.840.733.583

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.855.056.902	7.673.249.864
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.9; 10	1.098.996.981	1.087.929.978
03	- Các khoản dự phòng		156.266.000	1.805.990.983
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.26	(89.876.192)	(94.342.433)
06	- Chi phí lãi vay	VI.27	71.262.495	245.947.836
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		8.091.706.186	10.718.776.228
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.362.227.699)	(7.176.548.214)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.501.910.346	(670.623.439)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		2.228.645.707	2.548.543.587
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		659.417.673	(726.795.024)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.27	(71.262.495)	(245.947.836)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(573.268.326)	(1.547.494.879)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(810.569.000)	(511.479.273)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.664.352.392	2.388.431.150
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.908.235.455)	(1.235.546.727)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	90.454.545
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.886.617.400)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.886.617.400	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.26	89.876.192	12.069.706
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.818.359.263)	(1.133.022.476)

159
G T
PHÂN
BÁ
LƯU
1
HỒ

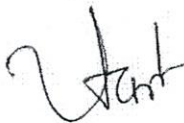
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.19; 22	2.795.969.648	5.246.594.780
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.19; 22	(5.613.441.738)	(4.782.000.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.23.4	(4.597.500.000)	(3.781.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.414.972.090)	(3.316.905.220)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		431.021.039	(2.061.496.546)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	831.007.935	2.892.504.481
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.262.028.974	831.007.935

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường Thủy nội địa số 10 (sau đây viết tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa;
- Sản xuất lắp đặt báo hiệu đường thủy;
- Nạo vét sông, kênh, san lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng;
- Dịch vụ cơ khí, đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng phương tiện thủy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

Cấu trúc Công ty:

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, các Chi nhánh và Xí nghiệp của Công ty bao gồm:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Bình Đức

Địa chỉ : Số 377, Ấp 5, Xã Thạnh Đức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại : 0272 3871 7766

Mã số Chi nhánh : 0313159937-001

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Phước Đông

Địa chỉ : Số 70, Ấp 7, Xã Phước Đông, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại : 0272 3881 027

Mã số Chi nhánh : 0313159937-002

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Đức Huệ

Địa chỉ : Số 1A, Khu phố 1, Tỉnh lộ 822, Thị trấn Đông Thành, Huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại : 0272 3854 764

Mã số Chi nhánh : 0313159937-003

4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Phú Cường

Địa chỉ : Số 526, Đường Huỳnh Văn Cù, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại : 0274 3827 861

Mã số Chi nhánh : 0313159937-004

031
C
C
AN
NG
S
/T

031
C
C
AN
NG
S
/T

5. *Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Biên Hoà*

Địa chỉ : Số 148/1/8, đường Châu Văn Lông, KP Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại : 0251 3831 747

Mã số Chi nhánh : 0313159937-005

6. *Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Số 10 - Trạm Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa Trị An*

Địa chỉ : Khu phố 8, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại : 0251 3860 084

Mã số Chi nhánh : 0313159937-006

7. *Địa điểm kinh doanh - Xí nghiệp Đảm bảo An toàn Giao thông*

Địa chỉ : 438/6 Đào Sư Tích, Ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

48
T
M
T
N
A
H
T

159
G T
PHÂN
BÁ
UY N
H

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm công trình hoặc giá thành theo giá khoán nội bộ.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp: Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp : Kê khai thường xuyên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
- Máy móc và thiết bị	08 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của Tài sản cố định vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. Nguyên giá Quyền sử dụng đất (QSDĐ) bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

Chi trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

9. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

11. Vốn chủ sở hữu

❖ ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

❖ ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ ***Trích lập các quỹ***

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

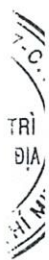
13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.



Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán 2021 được trình bày tại Khoản 3, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

	Số cuối năm	DVT: Đồng Số đầu năm
1. Tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	246.769.136	10.043.690
- Tiền gửi ngân hàng	1.015.259.838	820.964.245
Cộng	1.262.028.974	831.007.935

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	829.090.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông Số 2 (*)	2.988.941.104	2.988.941.104
- CN Công ty TNHH MTV VT và Xếp dỡ Đường thủy nội địa	180.871.401	180.871.401
- Cục Đường Thủy Nội Địa Việt Nam	14.971.638.538	18.321.812.825
- Công ty Cổ phần Đầu tư cầu Mỹ Lợi (*)	1.531.237.600	1.531.237.600
- Công ty TNHH MTV 319.2	980.369.000	980.369.000
- CN Công ty Cổ phần Quản lý Đường Sông Số 2 tại Phía Nam (*)	911.489.314	911.489.314
- Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP	-	1.190.165.500
- Công ty Cổ phần Đồng Tâm	581.680.000	1.451.510.150
- Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu (*)	1.344.570.600	1.344.570.600
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng - Công trình Giao thông và Nông nghiệp Tỉnh Hậu Giang	322.903.000	322.903.000
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	2.832.570.817	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng ĐMA	333.665.955	333.665.955
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn CIENCO4	935.975.203	-
- Công ty CP QL Bảo trì Đường Thủy Nội địa Số 15	-	791.000.000
- Công ty TNHH Truyền Thông Nhà & Đất	1.155.725.340	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa Ốc Đại Quang Minh	4.500.256.491	-
- Công ty Cổ phần 479 Hoà Bình	609.661.188	-
- Trung tâm Quản lý đường thủy	2.616.232.950	3.608.256.950
- Các đối tượng khác	648.787.104	786.173.386
Cộng	38.275.665.605	35.572.056.785

(*) Các khoản phải thu liên quan đến các công trình phải chờ quyết toán Ngân sách Nhà nước nên chậm thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	168.621.000	252.329.000
- Ký quỹ, ký cược (*)	225.822.900	1.801.007.254
- Phải thu khác	453.783.202	302.034.488
+ Đào Thị Thanh	143.661.500	203.661.500
+ Phải thu thuế TNCN của người lao động	42.084.658	54.882.079
+ Bảo hiểm người lao động nộp thừa	268.037.044	-
+ Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	-	43.490.909
Cộng	848.227.102	2.355.370.742

(*) Các khoản ký quỹ để bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Các khoản ký quỹ này được thể hiện trên các Thư bảo lãnh của Ngân hàng có thời hạn bảo lãnh dưới 12 tháng.

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV 508	829.090.000	(829.090.000)	829.090.000	(829.090.000)
- CN Công ty TNHH MTV VT và Xếp dỡ Đường thủy Nội địa	180.871.401	(180.871.401)	180.871.401	(180.871.401)
- Công ty TNHH SX TMDV XD XNK Đức Phú Thịnh	118.858.000	(118.858.000)	118.858.000	(118.858.000)
- Công ty CP Xây dựng công trình đường sắt 796	108.747.000	(108.747.000)	108.747.000	(108.747.000)
- Công ty CP Quản lý đường sông số 2	2.988.941.104	(825.621.983)	2.988.941.104	(825.621.983)
- Công ty TNHH MTV 319.2	980.369.000	(980.369.000)	980.369.000	(980.369.000)
- CN Công Ty CP QL Đường Sông số 2 tại phía Nam	911.489.314	(156.266.000)	911.489.314	-
Cộng	6.118.365.819	(3.199.823.384)	6.118.365.819	(3.043.557.384)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
5. Hàng tồn kho	166.547.076	166.547.076

Giá trị công cụ dụng cụ tồn kho cuối năm.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí nhiên liệu, vật tư tại các trạm.

Thời gian phân bổ chi phí không vượt quá 12 tháng. Chi tiết như sau:

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	7.796.429	66.180.910	(21.303.551)	52.673.788
- Chi phí nhiên liệu, vật tư tại các trạm	641.721.081	9.198.995.075	(9.761.724.041)	78.992.115
Cộng	649.517.510	9.265.175.985	(9.783.027.592)	131.665.903

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
7. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	-	27.617.731

Tiền thuế Nhà đất và tiền thuê đất nộp thừa.

8. Phải thu dài hạn khác	419.203.150	225.822.900
---------------------------------	--------------------	--------------------

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn trên 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá						
- Số đầu năm		5.058.085.600	669.985.145	12.995.984.721	549.818.182	19.273.873.648
- Mua trong năm		-	-	2.545.454.545	-	3.453.690.0
- Đầu tư nâng cấp		-	-	908.235.455	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	(79.286.460)	-	-	(79.286.460)
- Số cuối năm		5.058.085.600	590.698.685	16.449.674.721	549.818.182	22.648.277.188
Giá trị hao mòn						
- Số đầu năm		2.710.821.434	524.742.781	10.164.595.429	173.023.117	13.573.182.761
- Khấu hao trong năm		243.316.464	40.057.260	675.464.697	109.963.692	1.068.802.113
- Thanh lý, nhượng bán		-	(79.286.460)	-	-	(79.286.460)
- Số cuối năm		2.954.137.898	485.513.581	10.840.060.126	282.986.809	14.562.698.414
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm		2.347.264.166	145.242.364	2.831.389.292	376.795.065	5.700.690.887
- Tại ngày cuối năm		2.103.947.702	105.185.104	5.609.614.595	266.831.373	8.085.578.774
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
- Tại ngày đầu năm		164.722.076	360.135.054	5.402.193.184	-	5.927.050.314
- Tại ngày cuối năm		164.722.076	280.848.594	4.989.948.556	-	5.435.519.226

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất (tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời hạn sử dụng đến ngày 25 tháng 9 năm 2053. Công ty đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi quyền sở hữu tài sản (tham chiếu Thuyết minh số VII.1).

Tình hình tài sản cố định vô hình như sau:

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
- Nguyên giá	1.177.600.000	-	1.177.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	(174.245.021)	(30.194.868)	(204.439.889)
- Giá trị còn lại	1.003.354.979	(30.194.868)	973.160.111

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
VB số 844/PMUMT-D9HDA4 ĐTXD cao tốc Mỹ Thuận- Cần Thơ	776.027.960	-
- ĐBATGTT thi công xây dựng cầu Phụng Hoàng	282.463.611	-
- Điều tiết cầu Đồng Nai năm 2018	89.613.902	89.613.902
- SX, LD phao báo hiệu ĐTNĐ thi công cầu Ông Cày	86.619.881	86.619.881
- Lắp đặt biển báo cấm neo đậu trên tuyến ống D600 băng sông	22.488.791	22.488.791
- ĐBGTT thi công sửa chữa cầu Tân An1 cũ	10.889.000	10.889.000
- Đảm bảo ATGT đường thủy Trung Lương - Mỹ Thuận	-	1.950.002.091
- Điều tiết cầu An Hòa (Hợp đồng 12286/2019/C4)	-	283.906.743
- Điều tiết cầu An Hòa (Hợp đồng 10.06/2019/479-DTND)	-	254.212.120
- Bố trí báo hiệu ĐTNĐ phục vụ thi công kè bảo vệ bờ sông Ông Nhiêu thuộc dự án Khu nhà ở (GD 1) tại Q9	-	72.280.963
Cộng	1.268.103.145	2.770.013.491

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm tài sản cố định	86.916.813	86.916.813
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	8.900.004	8.900.004
Cộng	95.816.817	95.816.817

13. Chi phí trả trước dài hạn**344.908.048****486.474.114**

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ. Thời gian phân bổ chi phí là 13 - 36 tháng.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH MTV Quang Liêm	773.237.529	419.431.720
- Công ty TNHH Vận tải Cửu Long	2.865.820.000	4.628.402.164
- Công ty TNHH TMDV Phương Phương Anh	182.000.000	182.000.000
- Cơ sở Trí Đức	120.200.000	120.200.000
- Doanh nghiệp tư nhân Trương Hoàng Công	1.016.351.570	1.717.961.000
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải Đông Nam Long	6.745.699.050	93.800.000
- Công ty TNHH Lâm Đạt SG	828.449.399	115.023.900
- DNTN Sản xuất Thương mại Dịch vụ A Của	91.644.000	91.644.000
- Công ty TNHH Hải Nam	-	416.000.000
- Công ty TNHH SX Thiết bị Điện Hoàng Oanh	-	523.600.000
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xây dựng An Vinh	-	808.056.000
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Phương Thảo SG	-	466.145.022
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tân Phương Anh	729.223.990	-
- Công ty TNHH Phạm Hữu Bằng	206.088.300	-
- Các đối tượng khác	111.800.000	873.740.001
Cộng	13.670.513.838	10.456.003.807

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 72	60.000.000	60.000.000
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nền Móng và Xây dựng Hồng Đức	64.300.000	64.300.000
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Nam Mê Kông	152.000.000	-
- BQLDA Công Trình Giao Thông Long An	298.000.000	-
- Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	24.662.290
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn CIENCO4	-	141.291.832
- Công ty Cổ phần Ben	-	91.250.000
Cộng	574.300.000	381.504.122

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	3.651.138.734	3.875.653.742	5.318.288.916	2.208.503.560
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	573.268.326	1.404.252.349	573.268.326	1.404.252.349
- Thuế Thu nhập cá nhân	247.480.108	476.349.544	576.149.633	147.680.019
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	(27.617.731)	211.735.940	184.118.209	-
- Phí lệ phí	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	4.444.269.437	5.976.991.575	6.660.825.084	3.760.435.928

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.471.887.168			3.760.435.928
- Thuế nộp thừa (*)	(27.617.731)			-

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.7)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% thuế suất thuế TNDN trên Thu nhập tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
17. Phải trả người lao động	3.142.651.130	1.146.156.524
Tiền lương và các khoản thu nhập thuộc quỹ lương còn phải trả cho người lao động.		
18. Phải trả ngắn hạn khác		
- Cao Văn Phúc	-	102.600.000
- Nguyễn Văn Cạt	120.400.000	129.000.000
- Nguyễn Hữu Tá	174.650.000	114.300.000
- Bùi Kế Tường Dũng	202.650.000	186.000.000
- Vũ Văn Phú	387.800.000	246.000.000
- Đỗ Anh Việt	-	102.060.000
- Nguyễn Như Hiền	330.050.000	401.700.000
- Các đối tượng khác	-	1.155.000
Cộng	1.215.550.000	1.282.815.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Tình hình biến động khoản vay trong năm như sau:

- Số đầu năm	2.214.594.780
- Vay trong năm	2.795.969.648
- Trả nợ vay trong năm	(4.863.441.738)
- Số cuối năm	147.122.690

Các điều khoản cơ bản như sau:

- Số Hợp đồng : 4189/21/TD/I.35
- Ngày hợp đồng : 19/10/2021
- Hạn mức vay : 5.000.000.000 Đồng
- Hạn mức bảo lãnh : 40.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Được gia trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 8 tháng tính từ ngày giải ngân.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động (Bao gồm tái tài trợ phần vốn tự có công ty đã bỏ ra để phục vụ hoạt động kinh doanh)
- Lãi suất : Được quy định cụ thể trong từng thư tính dụng chứng từ
- Biện pháp đảm bảo :
 - Thực hiện ký quỹ tại ngân hàng theo từng loại bảo lãnh.
 - Đảm bảo bằng tài sản: Cam kết bảo lãnh cá nhân của Ông Vũ Trung Tá, Ông Nguyễn Trường Sơn, Ông Ngô Thanh Liêm, Ông Phan Huỳnh Tùng và Ông Đặng Văn Dũng.

Chi tiết số tiền vay tại ngày 31/12/2021 như sau:

Số tham chiếu	thời hạn vay	lãi suất	Số tiền
- LD 2123906580	31/03/2021	9%/năm	57.489.093
- LD 2123905799	27/08/2021	8,5%/năm	89.633.597
			147.122.690

031
C
C
UẢN
TỔNG
S

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

20. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận (*)	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	190.120.531	394.155.336	(549.000.000)	35.275.867
- Quỹ phúc lợi	6.850.254	262.770.664	(261.569.000)	8.051.918
Cộng	196.970.785	656.926.000	(810.569.000)	43.327.785

(*) Tham chiếu Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.23.4.

	Số cuối năm	Số đầu năm
21. Phải trả dài hạn khác	10.000.000	30.000.000

Phải trả dài hạn khác là khoản ký quỹ, ký cược cho thuê mặt bằng.

22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	750.000.000
---------------------------------------------	----------	--------------------

Khoản vay dài hạn là khoản vay Bà Bùi Thị Hiền Thom theo Hợp đồng vay tiền số 08.06-1/HĐVT-CT10 ngày 20 tháng 08 năm 2020 đã tất toán trong năm.

23. Vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
23.1 Vốn đầu tư của CSH	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
23.2 Thặng dư vốn cổ phần	1.390.000	-	-	1.390.000
23.3 Quỹ đầu tư phát triển	4.323.082.946	1.314.829.599	-	5.637.912.545
23.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.586.328.451	5.450.804.553	6.569.255.599	5.467.877.405
Cộng	25.910.801.397	6.765.634.152	6.569.255.599	26.107.179.950

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

23.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Cổ phiếu**

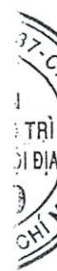
- Toàn bộ cổ phiếu phát hành là cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành 1.500.000 CP
- Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành 10.000 Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân 1.500.000 CP

Tại ngày 31/12/2021, tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) góp vốn	Số tiền
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước – SCIC (*)	765.000	51,00%	7.650.000.000
- Ông Vũ Trung Tá	196.500	13,10%	1.965.000.000
- Ông Đặng Văn Dũng	85.900	5,73%	859.000.000
- Ông Đặng Thanh Phong	75.000	5,00%	750.000.000
- Ông Hồ Ngọc Nghĩa	24.700	1,65%	247.000.000
- Ông Cao Văn Phúc	22.700	1,51%	227.000.000
- Ông Ngô Thanh Liêm	16.300	1,09%	163.000.000
- Ông Nguyễn Khắc Vũ	16.100	1,07%	161.000.000
- Các cổ đông khác (102 cổ đông)	297.800	19,85%	2.978.000.000
Cộng	1.500.000	100,00%	15.000.000.000

(*) Theo thông báo số 2551/ĐTKDV-ĐT2 ngày 29/12/2021, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước – SCIC đã thông báo chuyển nhượng toàn bộ 765.000 cổ phiếu đang sở hữu tại công ty thông qua hình thức đấu giá công khai. Thời gian thực hiện dự kiến từ 14/01/2022 đến ngày 12/02/2022.

Tại Báo cáo kết quả giao dịch số 86/ĐTKDV-ĐT2 ngày 20/01/2022, SCIC đã chuyển nhượng thành công toàn bộ số lượng cổ phiếu đang sở hữu là 765.000 cổ phiếu và thực hiện chuyển quyền sở hữu qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

23.4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận CPP năm trước	6.586.328.451	5.419.302.290
- Phân phối lợi nhuận năm trước	(6.569.255.599)	(5.402.229.438)
+ Quỹ khen thưởng	(394.155.336)	(270.121.573)
+ Quỹ phúc lợi	(262.770.664)	(270.121.573)
+ Quỹ đầu tư phát triển	(1.314.829.599)	(1.080.486.292)
+ Chia cổ tức	(4.597.500.000)	(3.781.500.000)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	17.072.852	17.072.852
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	5.450.804.553	6.569.255.599
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	5.467.877.405	6.586.328.451

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

	Năm nay	ĐVT: Đồng Năm trước
24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	4.340.738.165	4.105.351.753
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.210.007.056	72.344.152.098
Cộng	70.550.745.221	76.449.503.851
25. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.308.818.600	3.943.866.000
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.519.285.151	51.610.716.592
Cộng	55.828.103.751	55.554.582.592
26. Doanh thu hoạt động tài chính	89.876.192	12.069.706
Khoản lãi tiền gửi ngân hàng.		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

27. Chi phí tài chính	71.262.495	245.947.836
Khoản chi phí lãi tiền vay.		
28. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	4.614.679.080	7.114.613.553
- Chi phí đồ dùng văn phòng	224.296.920	180.460.369
- Chi phí khấu hao TSCĐ	367.911.632	348.436.799
- Thuế, phí và lệ phí	220.735.940	211.656.137
- Chi phí dự phòng	156.266.000	1.805.990.983
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	781.398.594	1.731.201.642
- Chi phí bằng tiền khác	1.171.919.110	1.387.695.798
Cộng	7.537.207.276	12.780.055.281
29. Thu nhập khác		
- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	-	82.272.727
- Thu nhập khác	75.300.000	-
Cộng	75.300.000	82.272.727
30. Chi phí khác		
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	4.000.000
- Các khoản tiền phạt	36.926.076	122.314.843
- Chi phí khác	387.364.913	163.695.868
Cộng	424.290.989	290.010.711

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.855.056.902	7.673.249.864
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	166.204.844	212.423.463
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.021.261.746	7.885.673.327
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Thuế TNDN theo thuế suất	1.404.252.349	1.577.134.665
- Thuế TNDN được giảm 30%	-	(473.140.400)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.404.252.349	1.103.994.265

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.450.804.553	6.569.255.599
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	(545.080.455)	(656.926.000)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.905.724.098	5.912.329.599
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.500.000	1.500.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.270	3.942

(*) Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi dự kiến phân phối 10% trên lợi nhuận sau thuế TNDN.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất**

Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất (tại thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 05 tháng 09 năm 2014 giữa Bà Lê Kim Anh và Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10 có các điều khoản như sau:

- Bên chuyển nhượng : Bà Lê Kim Anh
- Đối tượng hợp đồng : Thửa đất số 513, tờ bản đồ số 16, ấp 4, Xã Phước Lộc, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
Diện tích: 681,8 m²
Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
Thời hạn sử dụng: 25/09/2053
- Giá chuyển nhượng : 1.177.600.000 Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 10

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2021

Hiện tại Công ty vẫn đang thực hiện các thủ tục pháp lý để chuyển đổi quyền sở hữu tài sản từ Bà Lê Kim Anh sang cho Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 10.

2. Thông tin về báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là duy trì luồng tuyến, lắp đặt bảng báo giao thông, đảm bảo giao thông thủy.

Ngoài ra, Công ty còn có phát sinh doanh thu bán cát. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động này chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng doanh thu trong năm. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Thông tin về các Bên liên quan

Bên liên quan	Ông Vũ Trung Tá	Ông Đỗ Ngọc Tú	Ông Nguyễn Trường Sơn	Ông Đặng Văn Dũng
Diễn giải				
A Mọi quan hệ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT
B Phải thu tại ngày 01/01/2021	-	-	23.371.000	-
C Nội dung giao dịch trong năm				
- Thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao	433.067.500	257.533.950	383.455.500	-
- Thù lao	42.000.000	31.500.000	42.000.000	42.000.000
D Phải thu tại ngày 31/12/2021				
Phải thu tạm ứng	-	-	23.371.000	-

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 sau đây:

- Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 của Chính phủ Hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.
- Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ban hành ngày 19/4/2021 của Chính phủ về việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.
- Quyết định số 1832/QĐ-BTC ngày 20/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc triển khai áp dụng hóa đơn điện tử tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện từ tháng 11/2021 theo quy định về hóa đơn điện tử tại Luật Quản lý thuế, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính.
- Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/09/2021 của Chính Phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.
- Nghị quyết 406/2021/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ quốc hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19, trong đó quy định một số giải pháp miễn, giảm thuế. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 10 năm 2021.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đào Thị Thanh

Nguyễn Thị Mỹ Lan

Vũ Trung Tá